

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123/2021/HS-ST**.

Ngày: 02/8/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất;

Ông Nguyễn Văn Bảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Xuân Vượng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2021/TLST-HS, ngày 13 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tổng Thị T**, sinh năm 1988; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không xác định được bố đẻ, con bà Tổng Thị T, sinh năm 1961; chồng là Vũ Văn L, sinh năm 1985 (đã ly hôn); con: Có 02 con, sinh năm 2012 và năm 2021; tiền án: Không có; tiền sự: Không có.

Bị cáo đầu thú hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Giáp Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988 (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng Thị T có quan hệ bạn bè với chị Giáp Thị T. Khoảng 20 giờ ngày 25/10/2020, bị cáo ở tỉnh Quảng Ninh sử dụng điện thoại di động truy cập mạng xã hội Facebook với tài khoản có nickname “Tổng Thanh” nhắn tin qua ứng dụng *mesenger* đến tài khoản Facebook mang tên “Nguyễn Thơi” của chị Thơi. Bị cáo nói đang sống và làm việc tại Singapore và rủ chị Thơi sang Singapore làm việc với mức lương cao. Chị Thơi hỏi bị cáo đi bằng cách nào thì bị cáo nói đi theo diện thăm người thân 28 ngày, khi sang muốn ở lại thì ký hợp đồng tiếp. Bị cáo còn bảo chị Thơi xem ai có nhu cầu thì rủ sang làm cùng. Mức giá để đi sang Singapore bị cáo đưa ra là 18.000.000 đồng/ 01 người bao gồm tiền vé máy bay và tiền nhận người thân bên Singapore. Để tạo thêm niềm tin cho chị Thơi, bị cáo gửi vị trí và hình ảnh của bị cáo trước đây khi còn ở Singapore. Tiếp đó, bị cáo sử dụng điện thoại gọi hình ảnh video qua ứng dụng *mesenger* cho chị Thơi để tiếp tục trao đổi về việc sang Singapore lao động. Trong lúc chị Thơi nói chuyện với bị cáo thì có vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị A (anh Hòa là em họ chồng chị Thơi) đang có mặt tại nhà chị Thơi nghe được cuộc trao đổi, nói chuyện giữa bị cáo và chị Thơi nên bảo chị Thơi nói với bị cáo là vợ chồng anh Hòa, chị Ánh muốn cùng chị Thơi sang Singapore lao động. Sau khi bị cáo thống nhất được với chị Thơi có 03 người sang Singapore, bị cáo yêu cầu chị Thơi đặt cọc trước 18.000.000 đồng/01 người, số tiền này chuyển cho bị cáo, bị cáo sẽ lo toàn bộ thủ tục. Bị cáo nhắn tin qua messenger cho chị Thơi số tài khoản 44010000751943 mang tên Lê Thị Oanh mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng BIDV). Bị cáo nói dối chị Thơi đây là tài khoản nhận tiền của người lo việc, nhưng thực chất là tài khoản do bị cáo trực tiếp quản lý, sử dụng. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/10/2020, vợ chồng anh Hòa, chị Ánh đưa cho chị Thơi số tiền 36.000.000 đồng. Chị Thơi đã đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang chuyển số tiền 54.000.000 đồng đến số tài khoản 44010000751943 mang tên Lê Thị Oanh mở tại Ngân hàng BIDV theo yêu cầu của bị cáo. Sau khi chuyển tiền xong, chị Thơi sử dụng điện thoại di động của mình chụp lại biên lai chuyển tiền rồi nhắn tin gửi qua ứng dụng messenger để thông báo cho bị cáo biết và được bị cáo báo lại là đã nhận được tiền. Nhận được số tiền 54.000.000 đồng do chị Thơi chuyển, bị cáo sử dụng điện thoại chuyển toàn bộ số tiền này từ tài khoản 44010000751943 mang tên Lê Thị Oanh mở tại Ngân hàng BIDV vào tài khoản đánh bạc “thanhquyet8388” trên trang Web đánh bạc trực tuyến “w88.com” để tham gia đánh bạc và bị thua hết tiền. Đến khoảng 20

giờ ngày 26/10/2020, do đánh bạc thua hết số tiền mà chị Thơi chuyển, bị cáo tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị Thơi phải nộp thêm mỗi người 1.000 GSD (tiền Singapore) tương đương 16.000.000 đồng tiền Việt Nam, bị cáo lấy lý do để nộp tiền chống trốn (tức là nếu sang Singapore mà chị Thơi trốn đi làm chỗ khác thì sẽ mất số tiền này). Chị Thơi không đồng ý vì không có trong thỏa thuận ban đầu và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 54.000.000 đồng. Bị cáo đưa ra nhiều lý do để không trả tiền cho chị Thơi. Đến ngày 29/10/2020, bị cáo đã xóa Facebook “Tổng Thanh” mà bị cáo sử dụng nhắn tin lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Thơi nhằm mục đích để chị Thơi không thể liên lạc được với bị cáo nữa. Ngày 17/3/2021, chị Giáp Thị T đã có đơn trình báo Công an tỉnh Bắc Giang.

Tại Bản Cáo trạng số: 127/CT-VKS ngày 13/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố Tổng Thị T về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa:

Bị cáo Tổng Thị T khai nhận toàn bộ hành vi như sau:

Buổi tối ngày 25/10/2020, bị cáo ở tỉnh Quảng Ninh sử dụng điện thoại di động truy cập mạng xã hội Facebook với tài khoản có nickname “Tổng Thanh” nhắn tin qua ứng dụng *mesenger* đến tài khoản Facebook mang tên “Nguyễn Thơi” của chị Thơi. Bị cáo nói đang sống và làm việc tại Singapore và rủ chị Thơi sang Singapore làm việc với mức lương cao. Sau khi trao đổi, bị cáo và chị Thơi thống nhất giá để đi sang Singapore là 18.000.000 đồng/ 01 người bao gồm tiền vé máy bay và tiền nhận người thân bên Singapore. Để tạo thêm niềm tin cho chị Thơi, bị cáo gửi vị trí và hình ảnh của bị cáo trước đây khi còn ở Singapore. Ngoài ra, có vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị A muốn cùng chị Thơi sang Singapore lao động. Sau khi bị cáo thống nhất được với chị Thơi có 03 người sang Singapore, bị cáo yêu cầu chị Thơi đặt cọc trước 18.000.000 đồng/01 người, số tiền này chuyển cho bị cáo, bị cáo sẽ lo toàn bộ thủ tục. Bị cáo nhắn tin qua messenger cho chị Thơi số tài khoản 44010000751943 mang tên Lê Thị Oanh mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Bị cáo nói dối chị Thơi đây là tài khoản nhận tiền của người lo việc, nhưng thực chất là tài khoản do bị cáo trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngày 26/10/2020, nhận được số tiền 54.000.000 đồng do chị Thơi chuyển đến số tài khoản mang tên Lê Thị Oanh theo yêu cầu của bị cáo. Nhận được số tiền 54.000.000 đồng bị cáo sử dụng điện thoại chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản đánh bạc “*thanhquyet8388*” trên trang Web đánh bạc trực tuyến “*w88.com*” để tham gia đánh bạc và bị thua hết tiền. Do đánh bạc thua hết số tiền này, bị cáo tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị Thơi phải nộp thêm mỗi người 1.000 GSD (tiền Singapore), nhưng chị Thơi không đồng ý. Đối với tài khoản mang tên Lê Thị Oanh là do chị Oanh là người quen, do bị cáo không có chứng minh thư và không có hộ khẩu tại Quảng Ninh nên

chị Oanh mở tài khoản này cho bị cáo dùng. Nay bị cáo thấy là sai trái, vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với tài sản bị thu giữ, bị cáo đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bị hại là chị Giáp Thị T xác định:

Buổi tối ngày 25/10/2020, bị cáo sử dụng điện thoại di động truy cập mạng xã hội Facebook với tài khoản có nickname “Tống Thanh” nhắn tin qua ứng dụng *mesenger* đến tài khoản Facebook mang tên “Nguyễn Thơi” của chị. Bị cáo nói đang sống và làm việc tại Singapore và rủ chị sang Singapore làm việc với mức lương cao. Sau khi trao đổi, bị cáo và chị thống nhất giá để đi sang Singapore là 18.000.000 đồng/ 01 người bao gồm tiền vé máy bay và tiền nhận người thân bên Singapore. Để tạo thêm niềm tin cho chị, bị cáo gửi vị trí và hình ảnh của bị cáo trước đây khi còn ở Singapore. Ngoài ra, có vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị A muốn cùng chị sang Singapore lao động. Sau khi chị và bị cáo thống nhất có 03 người sang Singapore. Bị cáo cho chị số tài khoản ngân hàng và chị có chuyển cho bị cáo số tiền 54.000.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo. Ngày 26/10/2020, bị cáo tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị phải nộp thêm mỗi người 1.000 GSD (tiền Singapore), nhưng chị không đồng ý và đòi lại số tiền đã chuyển, nhưng bị cáo không trả lời và chị có đơn tố cáo sự việc. Nay, chị đã được bị cáo trả lại toàn bộ số tiền 54.000.000 đồng và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị A có lời khai thống nhất xác định:

Anh chị là vợ chồng và là chị em họ với chị Thơi. Trong một lần tháng 10/2020, anh chị có sang nhà chị Thơi chơi thì thấy chị Thơi có nói chuyện với một người nào đó, sau này anh chị biết là bị cáo Thanh. Chị Thơi có nói là bị cáo thể đưa người sang làm việc tại Singapore với mức lương cao. Vợ chồng anh chị nhất trí và đưa cho chị Thơi số tiền 36.000.000 đồng để chuyển cho bị cáo. Sau đó, bị cáo lại yêu cầu chuyển tiếp mỗi người 1.000 GSD, nhưng anh chị không đồng ý. Sau khi sự việc được phát hiện, anh chị đã được chị Thơi trả lại 36.000.000 đồng và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, nội dung hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về áp dụng điều luật và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Tống Thị T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

2. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV số: 9704180126038827 mang tên Lê Thị Oanh; 01 thẻ ATM Ngân hàng MB số: 9704222001928068 mang tên Lê Thị Oanh; 01 bản phô tô chứng minh nhân dân số: 145899068 mang tên Tổng Thị T;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivio Y51 có số Imeil 1 là 861843039063731, số Imeil 2 là 861843039063723, lắp thẻ sim số: 0862920856.

3. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh luận:

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh:

Sau khi xem xét lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 26/10/2020, Tổng Thị T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 54.000.000 đồng của chị Giáp Thị T.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác.

Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Tổng Thị T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo Điều 174 của Bộ luật hình sự. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 54.000.000 đồng, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với bị cáo. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tại khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự, quy định: “*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 7 năm:*

.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”

Do đó, Cáo trạng số: 127/CT-VKS ngày 13/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố đối với bị cáo Tổng Thị T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ, mức hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết như sau:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho những người bị thiệt hại; khi phạm tội, bị cáo đang có thai; tại cơ quan Điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo đã đầu thú; bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ để áp dụng cho bị cáo theo điểm b, n, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội, để giáo dục bị cáo, theo Điều 38 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Qua tài liệu lý lịch của bị cáo thì thấy: Bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Nên, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đều:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng: 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV số: 9704180126038827 mang tên Lê Thị Oanh; 01 thẻ ATM Ngân hàng MB số: 9704222001928068 mang tên Lê Thị Oanh; 01 bản photo chứng minh nhân dân số: 145899068 mang tên Tổng Thị T;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước công cụ dùng vào việc phạm tội: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivio Y51 có số Imeil 1 là 861843039063731, số Imeil 2 là 861843039063723, lắp thẻ sim số: 0862920856.

[7]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, để Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Tổng Thị T **02** (hai) năm tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV số: 9704180126038827 mang tên Lê Thị Oanh; 01 thẻ ATM Ngân hàng MB số: 9704222001928068 mang tên Lê Thị Oanh; 01 bản phô tô chứng minh nhân dân số: 145899068 mang tên Tổng Thị T;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivio Y51 có số Imeil 1 là 861843039063731, số Imeil 2 là 861843039063723, lắp thẻ sim số: 0862920856.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Tổng Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tp Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tp Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Trần Kiên

